

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 421/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH– TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2. Ông Bùi Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều X, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 21, ấp G, xã S, huyện H tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đây, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 20/6/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Kiều X trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn vào năm 2002 và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang ngày 21 tháng 10 năm 2008. Vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường

xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Đ ngày càng không hạnh phúc. Khi chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, cha mẹ hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng vợ chồng chị vẫn không giải quyết được những mâu thuẫn với nhau. Giữa chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 07/02/2003 và Nguyễn T sinh ngày 07/8/2005. Hiện nay, cháu N đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, đồng ý giao cháu T để anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có

* **Bị đơn, anh Nguyễn Thành Đ:** Vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét để chị được ly hôn với anh Đ; Chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, đồng ý giao cháu T để ông Đ tiếp tục nuôi, chị và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung và nợ chung không có

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ cư trú tại xã A, huyện C tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C.

Anh Nguyễn Thành Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Tại

Biên bản xác minh hộ khẩu thường trú ngày 28/8/2017 thì anh Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại tổ 20, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang và hiện nay có mặt tại địa phương. Do đó, các thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là *“phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc”* theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều X và anh Nguyễn Thành Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 10 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Hôn nhân giữa chị X và anh Đ được xác lập vào năm 2008 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Việc đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và cũng phù hợp với Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực từ 01/01/2015, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Đ là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải, đối chất mâu thuẫn vợ chồng; Nhằm tạo điều kiện cho chị X và anh Đ được đoàn tụ, nhưng chị X vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh Đ không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất. Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Thu H là mẹ ruột anh Đ về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh Đ ngày 28 tháng 8 năm 2017: *“Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ hay uống rượu, có tính ghen, vợ chồng thường cãi vã nhau. Khi có mâu thuẫn bà khuyên và hàn gắn tình cảm vợ chồng cho các con, nhưng mâu thuẫn vẫn mâu thuẫn. Vợ chồng X, Đ đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay, vợ chồng không thể đoàn tụ”*. Anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị X. Điều này đã thể hiện anh Đ không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình. Chị X yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn với nhau. Giữa chị X và anh Đ đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không thể hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả chị X và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó yêu cầu của chị X là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 07/02/2003 và Nguyễn T sinh ngày 07/8/2005. Hiện nay, cháu N đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu

cầu được tiếp tục nuôi cháu N, đồng ý giao cháu T để anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bên bản ghi ý kiến của hai cháu N và T thì cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với ba. Do đó yêu cầu của chị X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ 2014 nên được HĐXX xem xét chấp nhận. Đồng thời chị X, anh Đ phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Chị X, anh Đ không cấp dưỡng nuôi các con do chị X không yêu cầu, anh Đ không có văn bản ý kiến về con chung và cấp dưỡng.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị X, anh Đ được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 19, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều X, chị X được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ

2. Về con chung: Chị Nguyễn Kiều X được tiếp tục nuôi con chung cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 07/02/2003. Anh Đ được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn T sinh ngày 07/8/2005. Đồng thời chị X, anh Đ phải tạo điều kiện cho nhau được thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Chị X, anh Đ không cấp dưỡng nuôi các con, do chị X không yêu cầu, anh Đ không có văn bản ý kiến về con chung và cấp dưỡng

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000758 ngày 10/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2017). Riêng anh Nguyễn Thành Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang